TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:15/2019/QĐST-DS	*B, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:116/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 64 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn:

- Bà Đinh Thị Tuyết M1, sinh năm 1953.
- Ông Ngô Quang M2, sinh năm 1953.

Đều địa chỉ: Nhà A4 khu phố 7A phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thanh toán nợ:

Bà M1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà N tổng số tiền là 15.000.000 đồng để tất toán toàn bộ khoản vay vào các ngày 18/4/2017 Dương lịch và ngày 04/5/2017 Dương lịch, theo các phân kỳ trả nợ như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 25/8/2019 Dương lịch, bà M1 thanh toán cho bà N số tiền là 1.000.000 đồng.
- Lần thứ hai: Ngày 25/9/2019 Dương lịch, bà M1 thanh toán cho bà N số tiền là 1.000.000 đồng.
- Lần thứ ba: Ngày 25/10/2019 Dương lịch, bà M1 thanh toán cho bà N số tiền là 1.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 25/01/2020 Dương lịch, bà M1 thanh toán cho bà N số tiền còn lại là 12.000.000 đồng.

Trường hợp bà M1 vi phạm bất kỳ một phân kỳ trả nợ nào ở trên thì bà N có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành quyết định theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ số tiền chưa thanh toán theo thỏa thuận.

2.2. Về án phí: Bà M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà N số tiền tạm ứng án phí 625.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai số AA/2018/0001082 ngày 12/7/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Trần Kiên